

Số: /BC-UBND

Trà Bùì, ngày 18 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1300/2023/QĐ- BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành chuẩn quốc gia về Y tế giai đoạn đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ Y tế về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HDND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Trà Bùì về kế hoạch phát triển kinh-xã hội năm 2023:

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 01 năm 2023, về việc thành lập ban quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Trà Bùì giai đoạn 2021-2025

Căn cứ kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2023 của UBND xã Trà Bùì, về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Trà Bùì năm 2023

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng xét công nhận xã Trà Bùì đạt Tiêu chí quốc gia về y tế ngày 18 tháng 5 năm 2023, UBND xã Trà Bùì báo cáo kết quả như sau:

I. Kết quả đạt được:

1.1. Tiêu chí 1. Chỉ đạo, điều hành công tác chăm sóc sức khỏe (CSSK) nhân dân, tổng 14 điểm:

1. Xã có Ban chỉ đạo CSSKND hoạt động thường xuyên (1 điểm)

- Xã có Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân được thành lập theo Thông tư số 07/BYT-TT ngày 28/5/1997 của Bộ Y tế tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Trà Bùì về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân xã Trà Bùì.

- Ban Chỉ đạo có quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động hàng năm, họp định kỳ tối thiểu 6 tháng/1 lần và họp đột xuất khi cần thiết; có biên bản các cuộc họp để làm cơ sở tổ chức triển khai và theo dõi:

+ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Trà Bùì về việc ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân xã Trà Bùì.

+ Thông báo số 35/TB-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của UBND xã Trà Bùì về phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo CSSKND.

- Các cuộc họp của BCD luôn được ghi vào biên bản.

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

2. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, công tác dân số được đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy hoặc kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của xã; các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động CSSK (4 điểm)

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HDND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Trà Bùi về kế hoạch phát triển kinh-xã hội năm 2023:

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 01 năm 2023, về việc thành lập ban quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Trà Bùi giai đoạn 2021-2025

Căn cứ kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2023 của UBND xã Trà Bùi, về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Trà Bùi năm 2023

+ Điểm tự chấm: 4/4 điểm.

3. Y tế xã có xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về các hoạt động y tế của xã. (1 điểm)

Trạm Y tế xã tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2023 của UBND xã Trà Bùi, về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Trà Bùi năm 2023

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

4. TYT xã có đủ sổ, mẫu báo cáo thống kê theo quy định (bao gồm ứng dụng CNTT); báo cáo số liệu thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác; có các biểu đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động. (2 điểm)

Trạm Y tế xã có đủ sổ sách, mẫu báo cáo đúng theo quy định của BHYT và Sở Y tế.

+ Điểm tự chấm: 2/2 điểm.

5. TYT xã được cấp đủ và kịp thời kinh phí chi thường xuyên; quản lý tài chính theo quy định. (3 điểm)

TYT xã được cấp ngân sách từ cấp trên.

+ Điểm tự chấm: 3/3 điểm.

6. Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT. (3 điểm)

Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT 100%.

+ Điểm tự chấm: 3/3 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 1: 14/14 điểm

Tiêu chí 2. Nhân lực y tế, tổng 10 điểm:

7. *Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của TYT được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành. (4 điểm)*

Trạm Y tế xã đủ nhân lực theo vị trí việc làm được phê duyệt gồm: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 1 điều dưỡng

+ Điểm tự chấm: 4/4 điểm.

8. *Có bác sỹ làm việc tại TYT xã. (2 điểm)*

Trạm Y tế xã có 01 bác sĩ làm việc thường xuyên tại Trạm, hàng tháng có phân công lịch trực cụ thể cho nhân viên trong Trạm.

+ Điểm tự chấm: 2/2 điểm.

9. *Mỗi tổ, thôn, bản đều có NVYT, CTV dân số được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản áp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo. (2 điểm)*

Mỗi thôn có 02 nhân viên y tế thôn bản. Y tế thôn bản có trình độ chuyên môn phù hợp, và chưa được tham gia các lớp đào tạo, tập huấn ngắn ngày.

Trạm Y tế đã có văn bản đề nghị đăng ký cho các y tế thôn, bản tham gia các lớp đào tạo, tập huấn.

Hàng tháng, Trạm Y tế tổ chức họp giao ban định kỳ với nhân viên y tế thôn bản.

+ Điểm tự chấm: 2/2 điểm.

10. *Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT xã, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác. (2 điểm)*

Đảm bảo đúng quy định.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 2: 10/10 điểm

Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng TYT xã, tổng 12 điểm:

11. *TYT xã ở gần đường trục giao thông của xã, hoặc ở khu vực trung tâm xã để người dân dễ tiếp cận. (1 điểm)*

Đáp ứng yêu cầu.

+ Điểm tự chấm : 1/1 điểm.

12. *Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của TYT xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu CSSK nhân dân. (2 điểm)*

Đáp ứng yêu cầu.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm.

13. *TYT xã được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế Trạm y tế cơ sở và tiêu chuẩn ngành; đảm bảo đủ số lượng và diện tích của các phòng để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.(3 điểm)*

Đáp ứng yêu cầu.

+ Điểm tự chấm : 3/3 điểm.

14. *Công trình chính của TYT xã được xếp hạng từ cấp III trở lên.(2 điểm)*

Đáp ứng yêu cầu.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm

15. *TYT xã có nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định. (2 điểm)*

Đáp ứng yêu cầu.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm.

16. *Có đủ hạ tầng kỹ thuật và khối phụ trợ. (2 điểm)*

Đáp ứng yêu cầu.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 3: 12/12 điểm.

Tiêu chí 4. Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác, tổng 9 điểm:

17. *TYT xã đảm bảo có đủ TTB để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp.(3 điểm)*

- TYT xã đảm bảo có đủ TTB để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao: Có trên 90% TTB.

- Cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp: 4/4 nhân viên đủ điều kiện và khả năng sử dụng.

+ Điểm tự chấm : 2/3 điểm.

18. *Tại TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốt và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định.(4 điểm)*

- Trong Trạm Y tế nguồn cơ sở thuốc chủ yếu trong danh mục bảo hiểm y tế chi trả. Hiện nay, một số thuốc BHYT được cấp phát còn thiếu so với nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Thuốc tại TYT được quản lý tuân thủ các quy định, sử dụng thuốc an toàn; chưa có trường hợp xảy ra tai biến về sử dụng thuốc.

+ Điểm tự chấm : 4/4 điểm.

19. *Trang thiết bị được duy tu, bảo dưỡng định kỳ; trang thiết bị khi bị hư hỏng được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời. (1 điểm)*

Trang thiết bị, máy vi tính khi bị hư hỏng được sửa chữa kịp thời.

+ Điểm tự chấm : 1/1 điểm.

20. *TYT xã có tủ sách với 15 đầu sách chuyên môn trở lên.(1 điểm)*

TYT có tủ sách, có sách phục vụ chuyên môn.

+ Điểm tự chấm : 1/1 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 4: 8/9 điểm.

Tiêu chí 5. YTDP, Phòng, chống HIV/AIDS VSMT và ATTP, tổng 19 điểm.

21. *Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng (4 điểm)*

Trạm Y tế xã thường xuyên phối hợp với UBND xã và các ban, ngành chuyên môn của xã thực hiện tốt công tác giám sát, báo cáo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã theo quy định.

Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng theo quy định.

+ Điểm tự chấm : 4/4 điểm.

22. *Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm (8 điểm)*

Hàng năm, Trạm Y tế xã xây dựng kế hoạch quản lý, khám, sàng lọc các bệnh không lây nhiễm. Thực hiện tổ chức theo kế hoạch đảm bảo theo yêu cầu.

+ Sàng lọc phát hiện tăng huyết áp: đạt trên 58,07 % (1 điểm)

+ Tỷ lệ % người bệnh tăng huyết áp được điều trị và quản lý tại xã. Đạt 58,07%. (1,5 điểm)

+ Xã không thực hiện sàng lọc phát hiện người có nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường (0 điểm)

+ Trạm Y tế có quản lý điều trị các bệnh không lây nhiễm khác như: Tim mạch, hen phế quản...(1 điểm)

+ Điểm tự chấm : 5/8 điểm.

23. *Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. (2 điểm)*

Trên địa bàn xã có 100/128 nhà ở có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt, đạt 78,12%. Tuy nhiên chất lượng nước trên địa bàn xã không được xét nghiệm nước.

+ Điểm tự chấm : 1/2 điểm.

24. *Triển khai tốt các hoạt động đảm bảo ATTP; không chế kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn do xã phụ trách (3 điểm).*

Hàng năm, Trạm Y tế phối hợp với UBND xã ban hành, tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã.

+ Điểm tự chấm : 3/3 điểm.

25. *Triển khai thực hiện tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn xã. (2 điểm)*

Trên địa bàn xã không có trường hợp/ ca mắc bệnh HIV/AIDS. Có các tài liệu truyền thông về phòng, chống bệnh HIV/AIDS.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 5: 14,5/19 điểm.

Tiêu chí 6. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và YHCT, tổng 12 điểm.

26. *TYT xã có khả năng để thực hiện $\geq 80\%$ các dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; bảo đảm thực hiện sơ cứu, cấp cứu thông thường theo đúng quy định của Bộ Y tế. (4 điểm)*

Đạt.

+ Điểm tự chấm : 3/4 điểm.

27. *TYT xã có vườn thuốc nam mẫu hoặc bộ tranh cây thuốc mẫu; thực hiện khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (hoặc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại) cho $\geq 30\%$ số bệnh nhân đến KCB tại TYT xã. (1,5 điểm)*

TYT xã có vườn thuốc trồng được trên 40 loại cây thuốc. Y tế xã, y tế thôn bản đang trồng và chăm sóc trên 40 loài cây)

+ Điểm tự chấm : 1,5/2 điểm.

28. *Quản lý và chăm sóc sức khỏe người khuyết tật tại cộng đồng. (1 điểm)*

Người khuyết tật được quản lý và chăm sóc định kỳ ít nhất 1 lần/năm.

+ Điểm tự chấm : 1/1 điểm.

29. *Quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn. (4 điểm)*

Trên địa bàn xã, người dân chưa thực hiện khám bệnh bằng sổ khám bệnh điện tử.

+ Điểm tự chấm : 2/2 điểm.

30. *Thực hiện xử trí ban đầu kịp thời các trường hợp bệnh, tai nạn thương tích đến khám tại TYT xã; chuyển lên tuyến trên kịp thời những trường hợp ngoài khả năng chuyên môn của TYT xã. (1 điểm)*

Đạt

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 6: 10,5/12 điểm.

Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, tổng 6 điểm:

31. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ và được tiêm phòng uốn ván đầy đủ. (2 điểm)

Có 10/10 phụ nữ mang thai được khám thai đầy đủ. Đạt: 100%.

+ Điểm tự chấm: 2/2 điểm.

32. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ (1 điểm)

Có 17/17 phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ. Đạt 100%.

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

33. Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh. (1 điểm)

Có 17/17 phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh. Đạt 100%.

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

34. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế. (1 điểm)

Có 17/17 trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc – xin. Đạt 100%.

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

35. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) (0 điểm)

Chiếm 54,6 %. Không đạt

+ Điểm tự chấm: 0/1 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 7: 5/6 điểm.

Tiêu chí 8. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, tổng 11 điểm:

36. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại. (2 điểm)

Số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai: 55/92 chị. Đạt 59,78%.

+ Điểm tự chấm: 0/2 điểm.

37. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm. (2 điểm)

Đạt tỷ lệ 49,6% ‰

+ Điểm tự chấm: 0/2 điểm.

38. Tỷ lệ sinh phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên đối với các tỉnh, thành phố thuộc vùng có mức sinh cao (1 điểm)

Đạt tỷ lệ 40%.

+ Điểm tự chấm: 0/1 điểm.

39. Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 02 con đối với các tỉnh, thành phố thuộc vùng có mức sinh thấp (1 điểm)

Đạt 60%.

+ Điểm tự chấm: 0/1 điểm.

40. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (2 điểm)

Có kế hoạch và triển khai kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trên địa bàn xã.

+ Điểm tự chấm: 2/2 điểm.

41. Xã có triển khai hoặc phối hợp tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. (1 điểm)

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

42. Tư vấn về tâm soát và quản lý tâm soát sơ sinh, trước sinh (1 điểm)

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

43. Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân (1 điểm)

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 8: 8/11 điểm.

Tiêu chí 9. Truyền thông - Giáo dục sức khỏe, tổng 3 điểm:

44. TYT xã có đủ các phương tiện truyền thông theo quy định. (1 điểm)

TYT xã có đầy đủ phương tiện truyền thông theo quy định.

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

45. Triển khai tốt các hoạt động thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn xã. (2 điểm)

Đạt

+ Điểm tự chấm: 2/2 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 9: 3/3 điểm.

Tiêu chí 10. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổng 4 điểm.

46. Số cán bộ sử dụng thành thạo máy tính (1 điểm)

Có 4/4 nhân viên TYT sử dụng thành thạo máy tính.

+ Điểm tự chấm: 1/1 điểm.

47. Mức độ ứng dụng các phần mềm hiện có phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin, báo cáo (3 điểm)

TYT triển khai và sử dụng các phần mềm hiện có để phục vụ công tác KCB

Gồm:

- Quản lý tiêm chủng. 0,5 điểm

- Quản lý bệnh không lây nhiễm. 0,5 điểm
- Quản lý thanh quyết toán KCB BHYT. 0,5 điểm
- Hồ sơ sức khỏe cá nhân. 0 điểm
- Thống kê y tế điện tử. 0 điểm
- Tư vấn KCB từ xa. 0 điểm
- + Điểm tự chấm: 1,5/3 điểm.

Tổng điểm Tiêu chí 10: 3,5/4 điểm.

*** Tổng điểm:**

Năm 2023: 85,5/100 điểm (có bảng chấm điểm kèm theo)

*** Có 4/10 tiêu chí đạt 100% tổng số điểm.**

- Tiêu chí 1: Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK nhân dân.
- Tiêu chí 2: Nhân lực y tế
- Tiêu chí 3: Cơ sở hạ tầng TYT xã.
- Tiêu chí 9: Truyền thông - Giáo dục sức khỏe.

II. Đánh giá chung:

1. Những mặt đạt được:

- Được sự quan tâm lãnh đạo của UBND huyện, sự phối hợp của Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện trong công tác đánh giá xã Trà Bùi đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhà trạm bố trí gần trục đường và đảm bảo diện tích; đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân.

- Công tác Vệ sinh phòng bệnh, y tế học đường, Tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, ngăn chặn dịch bệnh... được chủ động, triển khai có hiệu quả;

- Công tác tuyên truyền triển khai về nội dung các tiêu chí quốc gia y tế xã cũng như công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại địa phương được thực hiện tích cực.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Trạm Y tế mới có 01 bác sĩ, cần nâng cao công tác chuyên môn lên đại học, chưa có chuyên trách dân số, đội ngũ y tế thôn bản và CTV dân số chưa được đào tạo đồng bộ nên chưa đáp ứng yêu cầu trong chuyên môn còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư y tế xã còn thiếu chưa được đầu tư trong tình hình mới hiện nay.

III. Những đề xuất, kiến nghị:

Các cấp ngành tiếp tục tạo điều kiện giúp đỡ để xã Trà Bùi thực hiện tốt công tác y tế - dân số, công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2023 và duy trì cho những năm tiếp theo..

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên y tế của Trạm về chuyên khoa, đội ngũ y tế thôn bản về trình độ chuyên môn.
 - Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân.
- Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế năm 2023 của xã Trà Bùi, UBND xã kính báo cáo.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
 - Phòng Y tế huyện;
 - TTYT huyện;
 - Đảng ủy, HĐND xã;
 - CT, PCT. UBND xã;
 - Trạm Y tế xã;
 - Ban Chỉ đạo CSSKND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Ba